

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH ĐẮK LẮK

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 109/2026/HSPT

Ngày 23 - 4 - 2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

*Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Quốc Hà.

*Các Thẩm phán:* 1. Ông Lý Thơ Hiền.

2. Ông Nguyễn Đình Triết.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Khánh Chi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 66/2026/TLPT-HS ngày 16 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo Nguyễn Thị Ái L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2026/HS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Đắk Lắk.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

Họ và tên: **Nguyễn Thị Ái L**; Tên gọi khác: H, L1; Giới tính: Nữ;

Sinh ngày 15 tháng 02 năm 1989; tại: tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: Thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 05/12; nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Nguyễn M và bà Hà Thị K. Bị cáo có chồng là Đoàn L2 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 09/9/2022 và ngày 10/9/2022, Nguyễn Thị Ái L thông qua Nguyễn Thị H1 biết Vũ Thị Anh T làm dịch vụ chuyển tiền có thu phí, L đã nhờ T chuyển tổng cộng số tiền 18.000.000 đồng vào các số tài khoản khác nhau để trả nợ cho L, sau đó L đã trả lại số tiền 18.000.000 đồng và tiền phí 80.000 đồng cho T. Sau khi tạo được lòng tin của T, để có tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ cho người khác, L đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của T bằng cách yêu cầu T chuyển tiền vào các tài khoản cá nhân người quen của L và hứa hẹn sẽ trả lại tiền và phí dịch vụ cho T nhưng sau khi chiếm đoạt được tiền, L khóa số điện thoại, bỏ trốn khỏi địa phương. Trong ngày 11/9/2022 và 12/9/2022, L sử dụng số điện thoại 0328094358 gọi cho T qua số điện thoại 0984548647 và cung cấp các số tài khoản cá nhân, yêu cầu T chuyển tổng số tiền 39.500.000 đồng, cụ thể:

Ngày 11/9/2022 theo yêu cầu của L, T chuyển vào số tài khoản 4602205229616 của bà Phạm Hồng T1 số tiền 5.000.000 đồng (L trả nợ cho bà T1); chuyển vào số tài khoản 4602215002940 của ông Trần Văn M1 số tiền 4.000.000 đồng; chuyển vào tài khoản số 4602205153310 của Trần Thị Hồng Y số tiền 11.000.000 đồng và chuyển vào tài khoản số 1025561458 của Đoàn L2 (chồng của L) số tiền 9.500.000 đồng. Sau đó, L nói ông M1 rút số tiền 4.000.000 đồng, ông L2 rút số tiền 9.500.000 đồng, bà Y rút số tiền 11.000.000 đồng đưa lại cho L.

Ngày 12/9/2022, theo yêu cầu của L, T tiếp tục chuyển vào tài khoản số 4602205153310 của Trần Thị Hồng Y số tiền 10.000.000 đồng. Sau đó, L nhờ Y chuyển số tiền này vào tài khoản của bà Phạm Thị Trúc P, để L trả nợ cho bà P.

***Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2026/HS-ST ngày 15/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Đắk Lắk, đã quyết định:***

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Ái L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

*Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự.*

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị Ái L** 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định trách nhiệm dân sự, về án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo và các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/01/2026 bị cáo Nguyễn Thị Ái L có đơn kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện cơ bản đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi, hậu quả của bị cáo và cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Thị Ái L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Xét kháng cáo của bị cáo thấy rằng: Mức hình phạt 01 năm tù mà cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm bị cáo đã cung cấp thêm tình tiết mới là bị cáo đã tiếp tục bồi thường thiệt hại cho người bị hại theo quyết định của bản án sơ thẩm và được người bị hại tiếp tục làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, đề nghị HĐXX sửa án sơ thẩm về biện pháp áp dụng hình phạt đối với bị cáo L. Đề nghị xử phạt bị cáo L 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày xét xử phúc thẩm

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo Nguyễn Thị Ái L tại phiên toà phúc thẩm là cơ bản phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Vào ngày 11, 12 tháng 9 năm 2022, tại thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên (nay là thôn T, xã T, tỉnh Đắk Lắk). Nguyễn Thị Ái L đã 05 lần đưa ra thông tin gian dối hứa hẹn sẽ trả tiền và phí dịch vụ để Vũ Thị Anh T tin và thực

hiện dịch vụ chuyển tiền vào các số tài khoản do L cung cấp, sau đó L chiếm đoạt tổng cộng số tiền 39.500.000đ của Vũ Thị Anh T. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thị Ái L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, HĐXX thấy rằng: Mức hình phạt 12 tháng tù mà cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới đó là đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại và được người bị hại tiếp tục xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, HĐXX phúc thẩm xét thấy cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo là không có căn cứ, bởi lẽ: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên”. Do đó, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, HĐXX phúc thẩm xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Ái L là phù hợp.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do được chấp nhận một phần kháng cáo nên bị cáo Nguyễn Thị Ái L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Ái L.

Sửa một phần bản án số 03/2026/HS-ST ngày 15/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Đắk Lắk về hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị Ái L** 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

[2] Về án phí hình sự phúc thẩm: Điều 12, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Thị Ái L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TPT TAND Tối Cao tại Đà Nẵng;
- TAND Cấp cao
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Khu vực 14;
- VKSND Khu vực 14;
- Phòng THADS Khu vực 14;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Bùi Quốc Hà**



